TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 24-8 2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Vũ Thị Hà

2. Ông Mai Đăng Ninh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX- ST, ngày 17 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 07/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S - Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn H - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/6/2018 và bản tự khai và đơn đề nghị, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh H kết hôn với nhau vào ngày 15/11/1992, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga T cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh H thường xuyên rượu chè, bài bạc, chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Năm 2008, chị đã phải đi làm ăn xa để lo kinh tế cho gia đình. Trong thời gian chị đi làm ăn xa giữa chị và anh H không còn quan tâm gì đến nhau. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại chị đã về và đang sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở xóm 2, xã Nga T, nhưng chị và anh H vẫn không về chung sống cùng nhau. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H theo quy định.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Quốc T, sinh ngày 18/9/1993 và Đào Tuấn C, sinh ngày 28/6/1996. Hiện tại các cháu đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng chị có tài sản chung là nhà, đất nhưng anh H đã bán cho người khác trong thời gian chị đi làm ăn xa. Chị không có ý kiến gì về việc anh H bán tài sản chung, nhưng anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Để chứng minh việc anh H bán tài sản là thực tế, chị đã xuất trình giấy bán nhà vào năm 2009, giữa anh H với anh Đào Trọng N, giá trị bán là 225.000.000đ. Tại phiên tòa, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2018, bị đơn anh Đào Văn H trình bày: anh nhất trí về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn và về con chung như chị S trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn: do chị S có quan hệ với người đàn ông khác nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, chửi bới lẫn nhau. Anh đồng ý ly hôn nhưng phải giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tài sản nhà của vợ chồng đã được anh bán cho người khác vào năm 2009 trên cơ sở giấy ủy quyền của chị S viết lại để thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Lý do anh yêu cầu chia tài sản là tiền chị S đi làm ăn về đã dồn tiền mua đất và có tư tưởng chiếm đoạt tài sản mà gia đình bố mẹ anh cho anh trước đây.

Tại thông báo số 10/TB-TA, ngày 21/6/2018, Tòa án yêu cầu anh H cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản anh đang yêu cầu. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định anh H không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu về tài sản cũng như giá trị về tài sản cho Tòa án.

Đối với thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ngày 09/7/2018 Tòa án đã tiến hành giao thông báo này cho các đương sự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/7/2018, anh H vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Do các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án,Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại thời điểm tống đạt, bị đơn anh Đào Văn H không có mặt, có em trai là Đào Văn D nhận và cam đoan giao lại quyết định cho anh H. Mặc dù anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H; về con chung và tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.Đối với bị đơn, anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Đào Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Sửu trình bày là do anh H thường xuyên rượu chè, bài bạc, chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Theo trình bày của anh H do chị S có quan hệ với người đàn ông khác rồi sinh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh gì. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì tới nhau nữa, chị S đề nghị xin ly hôn anh H theo quy định. Anh H đồng ý ly hôn nhưng phải giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thực tế, cuộc sống chị S và anh H mỗi người đều sống mỗi nơi. Anh H đồng ý ly hôn với chị S nhưng phải giải quyết phân chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh H sống ly thân nhau trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị S được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 2 con chung là Đào Quốc T, sinh ngày 18/9/1993 và Đào Tuấn C, sinh ngày 28/6/1996. Hiện tại các con đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Nguyên đơn chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn H đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của bị đơn: Tòa án đã yêu cầu anh Hải cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu mà anh đề nghị trong thời hạn quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh H không đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh cũng như giá trị các loại tài sản mà anh yêu cầu. Do đó yêu cầu của anh không thuộc quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự (Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn) nên HĐXX không chấp nhận xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Nếu anh H yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng thì anh có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác về chia tài sản sau khi ly hôn.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của chị Trần Thị S, cho chị S được ly hôn anh Đào Văn H.

2. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002793 ngày 14/6/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị S đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Hà ***Mai Đăng Ninh*** ***Lê Thị Huệ***